TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2019/DS–ST

Ngày 21-8-2019

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1732/2019/QĐST – DS ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp An P, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Th có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:**

1. AnhPhạm Văn Bé Ng, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh Ng có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hồ Thị Kim C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị C vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: anh Nguyễn Phương L, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Phương L: chị Nguyễn Thị Thanh Th theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh Th đồng thời được sự ủy quyền của anh Nguyễn Phương L trình bày:

- Vào ngày 01/6/2018 (âm lịch) chị có cho chị C vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn trả là 02 tháng. Sau khi vay chị C có đóng lãi được 03 tháng với số tiền 8.100.000 đồng.

- Vào ngày 03/6/2018 (âm lịch) chị có cho chị C vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn trả là 04 tháng. Sau khi vay chị C có đóng lãi được 03 tháng với số tiền 8.100.000 đồng.

- Vào ngày 28/6/2018 (âm lịch) chị có cho chị C và anh Ng vay số tiền 150.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả là 05 ngày. Sau khi vay chị C và anh Ng không trả lãi cho chị nhưng anh Ng có trả tiền vốn nhiều lần với số tiền là 23.000.000 đồng, còn lại 127.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tổng cộng chị cho chị C và anh Ng vay số tiền là 210.000.000 đồng, trong đó: chị C trực tiếp vay 60.000.000 đồng, anh Ng và chị C vay 150.000.000 đồng.

Mục đích chị C và anh Ng vay tiền là để trả tiền vay của Ngân hàng và lúc vay tiền cả hai vợ chồng cùng đi vay và có ký tên vào biên nhận nợ ngày 28/6/2018 mà chị đã cung cấp cho Tòa án. Thời điểm chị C và anh Ng vay tiền của chị thì hôn nhân giữa chị C và anh Ng vẫn hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì.

Hiện nay chị C không còn sinh sống tại địa phương nên chị tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị C với số tiền là 60.000.000 đồng. Việc rút đơn này là do chị tự nguyện.

Do trong quá trình hòa giải anh Ng thừa nhận số tiền 127.000.000 đồng là số tiền do anh trực tiếp vay của chị nên anh Ng đồng ý giao trả số tiền 127.000.000 đồng cho chị mà không yêu cầu chị C liên đới với anh Ng để trả 127.000.000 đồng cho chị thì chị đồng ý nhưng về thời hạn và cách thức trả nợ thì chị với anh Ng không thống nhất được nên tại phiên tòa chị yêu cầu anhPhạm Văn Bé Ng phải trả cho chị và anh L số tiền 127.000.000 đồng; yêu cầu trả trong thời hạn 01 năm, 04 tháng trả một lần, thời hạn trả lần đầu là ngày 21/12/2018 trả 40.000.000 đồng, ngày 21/04/2020 trả 40.000.000 đồng, ngày 21/8/2020 trả 47.000.000 đồng, chị không yêu cầu anh Ng phải trả lãi, chị cũng không yêu cầu chị C phải liên đới với anh Ng trả cho chị số tiền là 127.000.000 đồng, việc này là do chị tự nguyện. Chị không yêu cầu xem xét giải quyết lại số tiền mà anh Ng, chị C đã trả lãi cho chị trước đây.

Trong quá trình tố tụng bị đơnPhạm Văn Bé Ng trình bày:

Anh thừa nhận vào ngày 28/6/2018 (âm lịch) anh và chị C có vay của chị Th số tiền 150.000.000 đồng; lãi suất là 150.000 đồng/1 triệu đồng/tháng; thời hạn trả do chị C và chị Th thỏa thuận nên anh không biết. Sau khi vay anh và chị C có trả lãi vài lần cho chị Th nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu, do vợ chồng anh quá khó khăn nên không tiếp tục trả lãi cho chị Th nữa. Khi anh và chị C vay tiền thì cuộc sống vợ chồng của anh, chị vẫn hạnh phúc. Mục đích anh và chị C vay tiền là để trả tiền vay Ngân hàng. Anh thừa nhận tên "Phạm Văn Ng" trong biên nhận ngày 28/6/2018 là chữ viết của anh. Sau khi vay tiền anh có trả cho chị Th 02 lần vốn gốc với số tiền 23.000.000 đồng; còn lại 127.000.000 đồng đến nay chưa trả. Đối với số tiền 60.000.000 đồng do chị C vay vào ngày 01/6/2018 và 03/6/2018 thì anh hoàn toàn không biết và anh không sử dụng chung số tiền này, chữ viết "Phạm Văn Ng" trong biên nhận ngày 03/6/2018 là không phải do anh viết.

Anh thừa nhận hiện nay anh còn nợ chị Th và anh L số tiền 127.000.000 đồng và anh đồng ý trả cho chị Th số tiền 127.000.000 đồng theo thời hạn và cách thức mà chị Th yêu cầu.

Đối với số tiền lãi mà anh đã trả cho chị C trước đây là do anh tự nguyện nên anh không yêu cầu giải quyết lại.

Bị đơn Hồ Thị Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơnPhạm Văn Bé Ng và Hồ Thị Kim C hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 40/2 ấp An Phú, xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Hồ Thị Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng và chị C theo quy định.

[4] Xét yêu cầu của chị Th về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị C và rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 83.000.000 đồng. Xét thấy: việc

việc rút yêu cầu khởi kiện này của chị Th là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: chị Th yêu cầu anh Phạm Văn Bé Ng phải trả cho chị và anh Nguyễn Phương L số tiền vay là 127.000.000 đồng, yêu cầu trả trong thời hạn 01 năm, 04 tháng trả một lần, thời hạn trả lần đầu là ngày 21/12/2018 trả 40.000.000 đồng, ngày 21/04/2020 trả 40.000.000 đồng, ngày 21/8/2020 trả 47.000.000 đồng. Chứng cứ là sự thừa nhận của anh Ng về việc hiện nay anh Ng còn nợ chị Th và anh L số tiền 127.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Ng đồng ý trả số tiền 127.000.000 đồng cho chị Th, anh L theo thời hạn và cách thức như chị Th yêu cầu. Xét thấy: tại phiên tòa chị C với anh Ng đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau: vào ngày 21/12/2018 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 40.000.000 đồng, vào ngày 21/04/2020 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 40.000.000 đồng, vào ngày 21/8/2020 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 47.000.000 đồng

[6] Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh Ng thừa nhận số tiền 127.000.000 đồng mà anh vay của chị Th và anh L là để trả tiền vay cho Ngân hàng mà anh với chị C đã vay trước đó để sử dụng chung cho gia đình nên chị C biết rõ. Đồng thời khi vay tiền chị C có ký tên vào biên nhận nhưng anh không yêu cầu chị C phải liên đới với anh để trả cho chị Th và anh L. Hơn nữa, tại phiên tòa chị Th cũng không yêu cầu chị C phải liên đới với anh Ng trả cho chị số tiền 127.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Do chị C và anh Ng không yêu cầu giải quyết lại số tiền lãi mà anh Ng, chị C đã trả cho chị Th trước đây nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] AnhPhạm Văn Bé Ng phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: 127.000.000 đồng x 5% = 6.350.000 đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th về việc buộc chị Hồ Thị Kim C và anhPhạm Văn Bé Ng có nghĩa vụ liên đới để trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Nguyễn Phương L số tiền là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Th về việc buộc chị Hồ Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới với anhPhạm Văn Bé Ng để trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền là 127.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th và anh Ng. Anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Nguyễn Phương L số tiền 127.000.000 đồng theo thời hạn và cách thức như sau:

- Vào ngày 21/12/2018 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 40.000.000 đồng;

- Vào ngày 21/04/2020 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 40.000.000 đồng;

- Vào ngày 21/8/2020 anh Ng có nghĩa vụ trả cho chị C và anh L số tiền là 47.000.000 đồng.

Do chị C và anh Ng không yêu cầu giải quyết lại số tiền lãi mà anh Ng, chị C đã trả cho chị Th trước đây nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: anhPhạm Văn Bé Ng số tiền là 6.350.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thanh Th được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001746 ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn	**Trần Thị Vân**